

**PHỤ LỤC 02****TẠM GIAO BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC NĂM 2026 CHO CÁC XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU  
CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI***(Kèm theo Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

| TT        | Tên đơn vị hành chính     | Biên chế công chức giao năm 2026 |              |                               | Ghi chú |
|-----------|---------------------------|----------------------------------|--------------|-------------------------------|---------|
|           |                           | Tổng số                          | Công chức    | Công chức Ban Chỉ huy quân sự |         |
|           | <b>TỔNG</b>               | <b>4.235</b>                     | <b>3.899</b> | <b>336</b>                    |         |
| <b>1</b>  | <b>Phường Cẩm Thành</b>   | <b>66</b>                        | <b>63</b>    | <b>3</b>                      |         |
| 2         | Phường Nghĩa Lộ           | 63                               | 59           | 4                             |         |
| 3         | Phường Trương Quang Trọng | 63                               | 59           | 4                             |         |
| 4         | Xã Tịnh Khê               | 63                               | 59           | 4                             |         |
| 5         | Xã An Phú                 | 67                               | 63           | 4                             |         |
| <b>6</b>  | <b>Xã Bình Sơn</b>        | <b>92</b>                        | <b>88</b>    | <b>4</b>                      |         |
| 7         | Xã Đông Sơn               | 79                               | 75           | 4                             |         |
| 8         | Xã Vạn Tường              | 90                               | 86           | 4                             |         |
| 9         | Xã Bình Minh              | 50                               | 47           | 3                             |         |
| 10        | Xã Bình Chương            | 41                               | 38           | 3                             |         |
| <b>11</b> | <b>Xã Sơn Tịnh</b>        | <b>45</b>                        | <b>42</b>    | <b>3</b>                      |         |
| 12        | Xã Trường Giang           | 38                               | 35           | 3                             |         |
| 13        | Xã Ba Gia                 | 39                               | 35           | 4                             |         |
| 14        | Xã Thọ Phong              | 41                               | 37           | 4                             |         |
| <b>15</b> | <b>Xã Tư Nghĩa</b>        | <b>62</b>                        | <b>58</b>    | <b>4</b>                      |         |
| 16        | Xã Trà Giang              | 37                               | 33           | 4                             |         |
| 17        | Xã Nghĩa Giang            | 49                               | 45           | 4                             |         |
| 18        | Xã Vệ Giang               | 48                               | 45           | 3                             |         |
| <b>19</b> | <b>Xã Mộ Đức</b>          | <b>41</b>                        | <b>37</b>    | <b>4</b>                      |         |
| 20        | Xã Long Phụng             | 41                               | 37           | 4                             |         |
| 21        | Xã Mỏ Cày                 | 43                               | 39           | 4                             |         |
| 22        | Xã Lân Phong              | 36                               | 32           | 4                             |         |
| <b>23</b> | <b>Phường Đức Phổ</b>     | <b>41</b>                        | <b>37</b>    | <b>4</b>                      |         |
| 24        | Phường Sa Huỳnh           | 40                               | 36           | 4                             |         |

| TT | Tên đơn vị hành chính    | Biên chế công chức giao năm 2026 |           |                               | Ghi chú |
|----|--------------------------|----------------------------------|-----------|-------------------------------|---------|
|    |                          | Tổng số                          | Công chức | Công chức Ban Chỉ huy quân sự |         |
| 25 | Phường Trà Câu           | 43                               | 39        | 4                             |         |
| 26 | Xã Khánh Cường           | 37                               | 33        | 4                             |         |
| 27 | Xã Nguyễn Nghiêm         | 38                               | 35        | 3                             |         |
| 28 | <b>Xã Nghĩa Hành</b>     | <b>43</b>                        | <b>39</b> | <b>4</b>                      |         |
| 29 | Xã Thiện Tín             | 42                               | 39        | 3                             |         |
| 30 | Xã Đình Cương            | 42                               | 38        | 4                             |         |
| 31 | Xã Phước Giang           | 44                               | 41        | 3                             |         |
| 32 | <b>Xã Ba Tơ</b>          | <b>39</b>                        | <b>35</b> | <b>4</b>                      |         |
| 33 | Xã Ba Vinh               | 36                               | 32        | 4                             |         |
| 34 | Xã Ba Vĩ                 | 39                               | 35        | 4                             |         |
| 35 | Xã Ba Tô                 | 40                               | 37        | 3                             |         |
| 36 | Xã Ba Đình               | 38                               | 34        | 4                             |         |
| 37 | Xã Đặng Thùy Trâm        | 35                               | 32        | 3                             |         |
| 38 | Xã Ba Động               | 42                               | 38        | 4                             |         |
| 39 | Xã Ba Xa                 | 24                               | 21        | 3                             |         |
| 40 | <b>Xã Minh Long</b>      | <b>48</b>                        | <b>44</b> | <b>4</b>                      |         |
| 41 | Xã Sơn Mai               | 44                               | 41        | 3                             |         |
| 42 | <b>Xã Sơn Hà</b>         | <b>44</b>                        | <b>40</b> | <b>4</b>                      |         |
| 43 | Xã Sơn Linh              | 40                               | 37        | 3                             |         |
| 44 | Xã Sơn Hạ                | 45                               | 41        | 4                             |         |
| 45 | Xã Sơn Kỳ                | 36                               | 32        | 4                             |         |
| 46 | Xã Sơn Thủy              | 44                               | 41        | 3                             |         |
| 47 | <b>Xã Sơn Tây Thượng</b> | <b>37</b>                        | <b>33</b> | <b>4</b>                      |         |
| 48 | Xã Sơn Tây Hạ            | 37                               | 33        | 4                             |         |
| 49 | Xã Sơn Tây               | 37                               | 34        | 3                             |         |
| 50 | <b>Xã Trà Bồng</b>       | <b>36</b>                        | <b>32</b> | <b>4</b>                      |         |
| 51 | Xã Cà Đam                | 35                               | 32        | 3                             |         |
| 52 | Xã Thanh Bồng            | 36                               | 32        | 4                             |         |
| 53 | Xã Đông Trà Bồng         | 35                               | 32        | 3                             |         |
| 54 | Xã Tây Trà               | 38                               | 34        | 4                             |         |

| TT | Tên đơn vị hành chính | Biên chế công chức giao năm 2026 |           |                               | Ghi chú |
|----|-----------------------|----------------------------------|-----------|-------------------------------|---------|
|    |                       | Tổng số                          | Công chức | Công chức Ban Chỉ huy quân sự |         |
| 55 | Xã Tây Trà Bồng       | 35                               | 32        | 3                             |         |
| 56 | <b>Đặc khu Lý Sơn</b> | 56                               | 52        | 4                             |         |
| 57 | <b>Phường Kon Tum</b> | 68                               | 65        | 3                             |         |
| 58 | Phường Đắk Cấm        | 52                               | 49        | 3                             |         |
| 59 | Phường Đắk BLa        | 45                               | 42        | 3                             |         |
| 60 | Xã Ngọc Bay           | 46                               | 43        | 3                             |         |
| 61 | Xã Ia Chim            | 45                               | 42        | 3                             |         |
| 62 | Xã Đắk Rơ Wa          | 48                               | 45        | 3                             |         |
| 63 | <b>Xã Đắk Pék</b>     | 40                               | 37        | 3                             |         |
| 64 | Xã Xốp                | 35                               | 32        | 3                             |         |
| 65 | Xã Ngọc Linh          | 36                               | 32        | 4                             |         |
| 66 | Xã Đắk PLô            | 41                               | 37        | 4                             |         |
| 67 | Xã Đắk Môn            | 35                               | 32        | 3                             |         |
| 68 | Xã Đắk Long           | 28                               | 24        | 4                             |         |
| 69 | <b>Xã Bờ Y</b>        | 54                               | 50        | 4                             |         |
| 70 | Xã Sa Loong           | 40                               | 36        | 4                             |         |
| 71 | Xã Dục Nông           | 44                               | 40        | 4                             |         |
| 72 | <b>Xã Đắk Tô</b>      | 59                               | 56        | 3                             |         |
| 73 | Xã Ngọc Tụ            | 43                               | 40        | 3                             |         |
| 74 | Xã Kon Đào            | 45                               | 42        | 3                             |         |
| 75 | <b>Xã Tu Mơ Rông</b>  | 40                               | 37        | 3                             |         |
| 76 | Xã Đắk Sao            | 39                               | 36        | 3                             |         |
| 77 | Xã Đắk Tờ Kan         | 36                               | 33        | 3                             |         |
| 78 | Xã Măng Ri            | 43                               | 39        | 4                             |         |
| 79 | <b>Xã Đắk Hà</b>      | 43                               | 40        | 3                             |         |
| 80 | Xã Đắk Pxi            | 35                               | 32        | 3                             |         |
| 81 | Xã Đắk Mar            | 38                               | 35        | 3                             |         |
| 82 | Xã Đắk Ui             | 36                               | 33        | 3                             |         |
| 83 | Xã Ngọc Réo           | 36                               | 33        | 3                             |         |
| 84 | <b>Xã Măng Đen</b>    | 50                               | 47        | 3                             |         |

| TT | Tên đơn vị hành chính | Biên chế công chức giao năm 2026 |           |                               | Ghi chú |
|----|-----------------------|----------------------------------|-----------|-------------------------------|---------|
|    |                       | Tổng số                          | Công chức | Công chức Ban Chỉ huy quân sự |         |
| 85 | Xã Kon Plông          | 47                               | 44        | 3                             |         |
| 86 | Xã Măng Bút           | 44                               | 41        | 3                             |         |
| 87 | <b>Xã Kon Braih</b>   | 52                               | 49        | 3                             |         |
| 88 | Xã Đăk Kôi            | 48                               | 45        | 3                             |         |
| 89 | Xã Đăk Rve            | 48                               | 45        | 3                             |         |
| 90 | <b>Xã Sa Thầy</b>     | 39                               | 36        | 3                             |         |
| 91 | Xã Sa Bình            | 35                               | 32        | 3                             |         |
| 92 | Xã Ya Ly              | 38                               | 35        | 3                             |         |
| 93 | Xã Mô Rai             | 30                               | 26        | 4                             |         |
| 94 | Xã Rờ Koi             | 34                               | 30        | 4                             |         |
| 95 | <b>Xã Ia Toi</b>      | 50                               | 46        | 4                             |         |
| 96 | Xã Ia Đal             | 30                               | 26        | 4                             |         |